TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 931/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/7/2018.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Huỳnh Thị Ngọc Vi.

2/ Ông Dương Ngọc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiển – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 550/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2982/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Long S, sinh năm 1968;
Địa chỉ: 195/4 (số cũ 195/123A) A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: 236/30 D, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Anh T (T Nguyen) , sinh năm 1972.
Địa chỉ: 2/53 E Australia.

(Đều có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2017, biên bản khai ngày 03 tháng 4 năm 2018 của nguyên đơn ông Long S trình bày:

Tôi và bà Nguyễn Thị Anh T (T Nguyen) tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 4237, quyển số 22 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/11/1999. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung được một tháng thì bà Nguyễn Thị Anh T (T Nguyen) trở về Australia. Thời gian đầu có liên lạc thường xuyên đến năm 2001 thì không còn liên lạc với nhau nữa. Nay

nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông làm đơn gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị ly hôn với bà Nguyễn Thị Anh T (T Nguyen) để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Ông Long S khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Ông Long S khai không có.

Tại bản tự khai ngày 30/5/2018 của bà Nguyễn Thị Anh T (T Nguyen) đã được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Sydney- Australia chứng nhận ngày 30/5/2018 bà Nguyễn Thị Anh T (T Nguyen) trình bày: Bà và ông Long S tự nguyện kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số 4237, quyển số 22 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/11/1999. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung được một tháng thì bà trở về Australia. Thời gian đầu vợ chồng bà vẫn thường xuyên liên lạc nhưng từ năm 2001 thì không còn liên lạc với nhau nữa do khoảng cách xa xôi. Nay ông Sanh yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn để hai bên có điều kiện ổn định cuộc sống của riêng mỗi người.

Con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 14/6/2018, ông Long S có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử của Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 30/5/2018 của bà Nguyễn Thị Anh T (T Nguyen) đã được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Sydney- Australia chứng nhận ngày 30/5/2018 bà Nguyễn Thị Anh T (T Nguyen) trình bày: Do hiện nay bà đang ở Australia, điều kiện đi lại khó khăn nên bà không thể sang Việt Nam để tham gia theo triệu tập của Tòa án, do đó, bà xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, bị đơn bà Nguyễn Thị Anh T (T Nguyen) đang cư ngụ hợp pháp tại Australia thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về vắng mặt đương sự: Xét ông Long S và bà Nguyễn Thị Anh T (T Nguyen) đều có đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành

xét xử vắng mặt ông S, bà Nguyễn Thị Anh T (T Nguyen) theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn của ông Long S nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy đăng ký kết hôn số 4237, quyển số 22 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/11/1999 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Sanh và bà Nguyễn Thị Anh T (T Nguyen) là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự thì sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung được một tháng thì bà Nguyễn Thị Anh T (T Nguyen) trở về Australia sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng bà vẫn thường xuyên liên lạc nhưng từ năm 2001 thì không còn liên lạc với nhau nữa. Bà Nguyễn Thị Anh T (T Nguyen) cũng đồng ý ly hôn với ông Sanh. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau. Nay ông Long S và bà Nguyễn Thị Anh T (T Nguyen) mỗi người sống mỗi quốc gia, khả năng hàn gắn là không thể thực hiện, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của ông Long S ly hôn bà Nguyễn Thị Anh T (T Nguyen) là có cơ sở để chấp nhận.

Con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có.

[3] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Ông Long S phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Về chi phí tố tụng khác: Không có.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Long S.

Quan hệ hôn nhân: Ông Long S được ly hôn với bà Nguyễn Thị Anh T (T Nguyen) .

Giấy đăng ký kết hôn số 4237, quyển số 22 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/11/1999 cho ông Long S và bà Nguyễn Thị Anh T (T Nguyen) không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

2/ Án phí, chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Nguyên đơn ông Long S phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0048253 ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Về chi phí tố tụng khác: Không có.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày ông Long S nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với bà Nguyễn Thị Anh T (T Nguyen) thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt